TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **96**/2025/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 18 tháng 03 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 67/2025/TLST–HNGĐ ngày 03/03/2025 của Tòa án nhân dân huyện K, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đ V L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Căn hộ số X, tòa Y KĐT V, xã Đ, huyện K, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị N T L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Căn hộ số X, tòa Y KĐT V, xã Đ, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 03 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 03 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ V L và chị N T L.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh Đ V L và chị N T L cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Đ V L và chị N T L xác nhận có 02 con chung là Đ N T N, sinh ngày 05/3/2021 và Đ Đ N M, sinh ngày 02/01/2024.

Khi ly hôn, các bên thỏa thuận giao chị N T L trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cháu N M, giao anh Đ V L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T N. Không bên nào phải cấp dưỡng dưỡng nuôi con cho bên còn lại cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

Anh L và chị L được quyền thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được ngăn cản.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Anh Đ V L và chị N T L tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

2.3. Về nợ chung vợ chồng (vay nợ và cho vay nợ): Anh Đ V L và chị N T L xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung của vợ chồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận việc anh L tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065825 ngày 03/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K nay chuyển thành án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại anh L 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND p. Q, q. B, Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2017, ngày 15/12/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Viết Tuấn